| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **04**/2019/DS-ST
Ngày: 12/02/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Đặng Hoàng Mích.

2/ Ông Lê Minh Chiến

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 243/2018/TLST–DS, ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1/ Ông Võ Văn D, sinh năm 1965.

2/ Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà Ph:*

Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:**

1/ Ông Tô Văn Đ (tên gọi khác: H), sinh năm 1968 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của ông D, bà P và những lời khai, lời trình bày tiếp theo tại phiên tòa của ông Nguyễn Tấn Đ là người nhận ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:*

Ông D, bà P là Đại lý thức ăn thủy sản HD ở ấp Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ông Tô Văn Đ và bà Nguyễn Thị T có đến đại lý của ông D, bà P hợp đồng mua thức ăn thủy sản. Đến ngày 10/4/2015 thì đôi bên có tổng hợp công nợ và ông Đ, bà T có làm tờ xác nhận là hiện còn nợ ông D, bà P số tiền 75.000.000đ. Ông Đ, bà T có hứa đến ngày 17/9/2016 sẽ trả đủ. Nhưng từ khi làm tờ xác nhận thì ông Đ, bà T chỉ trả được 20.000.000đ. Đến ngày 08/7/2018 thì đôi bên có tổng hợp công nợ và ông Đ có làm tờ xác nhận còn nợ 55.000.000đ. Từ đó cho đến nay ông Đ, bà T vẫn không trả số tiền trên. Do đó, ông D, bà P khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T phải trả số nợ 55.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2018 chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị T và người em họ là anh Tô Văn Đ có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc ở đại lý HD của anh D, chị P từ năm 2010. Đến năm 2015, anh D, chị P không có bán thức ăn cho anh, chị nữa. Chị T và anh Đ có làm giấy xác nhận nợ với anh D, chị P ngày 17/9/2015 là 75.000.000đ. Đến năm 2016 thì có trả được 20.000.000đ, ngày 08/7/2018 thì anh Đ có làm giấy xác nhận nợ lại với anh D, chị P là 55.000.000đ. Chị T đồng ý có trách nhiệm cùng với anh Đ trả cho anh D, chị P số tiền trên. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ chưa có tiền trả ngay được, yêu cầu được trả dần.

** Anh Tô Văn Đ được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh Đ.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu quan điểm.*

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự, không vi phạm tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị buộc anh Đ, chị T có trách nhiệm trả cho ông D, bà P số tiền 55.000.000 đồng. Phần của mỗi người là 27.500.000đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*1. Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Tô Văn Đ, chị Nguyễn Thị T mua thức ăn của ông D, bà P để nuôi tôm. Do đó, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại Tòa, bị đơn anh Tô Văn Đ và chị Nguyễn Thị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Đ, chị T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*2. Về nội dung vụ án:*

[1] Sau thời gian hợp đồng mua bán thức ăn tôm, vào ngày 17/9/2015, hai bên có làm tờ xác nhận nợ, có chữ ký của chị T và anh Đ còn nợ ông D, bà P số tiền là 75.000.000đ. Đến ngày 08/7/2018, hai bên tổng kết nợ lần sau thì anh Tô Văn Đ, chị Nguyễn Thị T còn nợ ông D, bà P số tiền là 55.000.000 đồng. Tờ xác nhận nợ ngày 08/7/2018 chỉ có chữ ký của anh Tô Văn Đ. Tòa án đã triệu tập anh Đ đến tham gia phiên hòa giải cũng như công khai chứng cứ, tuy nhiên anh Đ không đến, cũng không có ý kiến gì. Đối với chị T, mặc dù không có ký trong Tờ xác nhận nợ ngày 08/7/2018, tuy nhiên qua làm việc chị T thừa nhận có nợ ông D, bà P số tiền là 55.000.000đ. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận tình tiết đó là đúng sự thật, đây là chứng cứ không phải chứng minh nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định anh Đ, chị T còn nợ ông D, bà P 55.000.000đ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất số tiền nêu trên.

[2] Anh Tô Văn Đ và chị Nguyễn Thị T là chị em họ với nhau cùng hùn hạp chung để nuôi tôm, cùng hưởng lợi từ việc nuôi tôm nên anh Đ, chị T cũng phải chịu trách nhiệm liên đới theo phần bằng nhau trả cho ông D, bà P số tiền nợ thức ăn thủy sản là 55.000.000đ. Phần của mỗi người cụ thể là 27.500.000đ.

[2] Chị Nguyễn Thị T xin được trả dần số tiền 55.000.000 đồng cho ông D, bà P. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn Đ không đồng ý với phương thức trả của phía bị đơn đưa ra. Xét thấy việc trả dần là giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là anh Tô Văn Đ và chị Nguyễn Thị T phải liên đới theo phần bằng nhau chịu tiền án phí là 55.000.000 đồng x 5% = 2.750.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn D, bà Nguyễn Hồng P đối với chị Nguyễn Thị T, anh Tô Văn Đ.

2. Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Tô Văn Đ có trách nhiệm liên đới theo phần trả cho ông Võ Văn D, bà Nguyễn Hồng P số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng); phần của mỗi người cụ thể là 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Ghi nhận việc ông D, bà P không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật và ông Võ Văn D, bà Nguyễn Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị T, anh Tô Văn Đ không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng chị Nguyễn Thị T, anh Tô Văn Đ còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Nguyễn Thị T, anh Tô Văn Đ phải liên đới theo phần chịu số tiền án phí là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); phần của mỗi người cụ thể là 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho ông Võ Văn D, bà Nguyễn Hồng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019323 ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Võ Văn D, bà Nguyễn Hồng P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Nguyễn Thị T, anh Tô Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(đã ký)**

**Trần Nguyễn Trọng Hiếu**